

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG KHÁNH HÒA
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG



**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG NĂM 2025**

**Tên Mô hình: THÂM CANH CÂY SÀU RIÊNG THEO VIETGAP
(THỜI KỲ KINH DOANH)**



Cơ quan chủ quản mô hình: Sở Nông nghiệp và Môi trường Khánh Hòa

Tổ chức chủ trì: Trung tâm Khuyến Nông

Chủ nhiệm hồ hình: Võ Thị Bích Chi

Thời gian thực hiện: Năm 2025

Khánh Hòa, năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm tình hình chung:

Sau khi sáp nhập, tỉnh Khánh Hòa có diện tích hơn 8.555km²; dân số hơn, 2,24 triệu người. Theo báo cáo của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Khánh Hòa đến tháng 11/2025, tổng diện tích cây ăn quả đã đạt 24.640,7 ha, trong đó diện tích cây sầu riêng là 3.404,9 ha, tăng 3,4% so với cùng kỳ. Diện tích trồng cây ăn quả tăng do người dân chuyển đổi diện tích trồng cây hàng năm kém hiệu quả sang trồng các loại cây có hiệu quả kinh tế cao hơn như: nho, táo, xoài, sầu riêng, bưởi da xanh...

Miền núi Khánh Sơn, Khánh Hòa có tiềm năng lớn phát triển nông nghiệp sạch, chuyên canh cây ăn quả như sầu riêng, chuối, mít nhờ khí hậu và thổ nhưỡng phù hợp. Địa phương đang chuyển đổi sang tư duy "kinh tế nông nghiệp", tập trung vào nông nghiệp xanh, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất bền vững để tăng thu nhập và kéo dài tuổi thọ cây trồng. Việc phát triển nông nghiệp bền vững này cũng tạo cơ hội kết hợp với du lịch.

Tuy nhiên, việc tổ chức sản xuất cây ăn quả nói chung và cây sầu riêng nói riêng tại Khánh Hòa vẫn còn một số khó khăn, bất cập như: Phát triển còn mang tính tự phát, thiếu tập trung theo định hướng quy hoạch; trình độ canh tác của bà con chưa cao, việc chăm sóc và đầu tư thâm canh chưa đúng mức; thiếu sự kiểm soát; công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật chưa được đầu tư nhiều để giúp người nông dân ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống và các quy trình canh tác, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ. Đồng thời giúp người dân hưởng lợi trực tiếp và gián tiếp của mô hình, tiếp cận những tiến bộ khoa học kỹ thuật để áp dụng, nhân rộng diện tích cây ăn trái có giá trị kinh tế cao, tạo điều kiện cho người dân phát triển kinh tế gắn với phát triển dịch vụ du lịch, cải thiện đời sống và thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu, Trung tâm Chuyển giao Công nghệ và Khuyến nông (nay là Trung tâm Khuyến nông) đề xuất triển khai thực hiện “Mô hình thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP (thời kỳ kinh doanh)” trong năm 2025.

2. Thuận lợi:

Mô hình triển khai được Lãnh đạo Sở Nông nghiệp & Môi trường, chính quyền địa phương tạo điều kiện và bà con nông dân đồng tình ủng hộ cao.

Công tác triển khai để chọn lựa các hộ thực hiện mô hình được tiến hành công khai, minh bạch.

Các hộ tham gia mô hình nhiệt tình, có mong muốn được tham gia thực hiện mô hình. Đồng ý đối ứng vật tư, phân bón để mô hình đạt kết quả theo yêu cầu của mô hình.

3. Khó khăn:

Địa hình Khánh Sơn khó khăn do sự kết hợp của núi cao, thung lũng sâu và bị chia cắt mạnh mẽ, gây ảnh hưởng đến giao thông và sản xuất nông nghiệp. Điều này dẫn đến tình trạng manh mún trong sản xuất nông nghiệp, gây khó khăn cho việc cơ giới hóa và ảnh hưởng đến năng suất.

Sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào thời tiết và mùa vụ sản xuất nên ảnh hưởng đến công tác khuyến nông của đơn vị. Trong năm 2025, tình hình biến đổi khí hậu bất thường lượng mưa nhiều giai đoạn ra hoa đậu trái nên cũng ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng của trái sầu riêng trên địa bàn toàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU CỦA MÔ HÌNH

1. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng các mô hình và phát triển vùng trồng cây sầu riêng đạt tiêu chuẩn VietGAP.
- Góp phần hình thành các vùng cây ăn quả đặc sản theo chuỗi giá trị tại Khánh Hòa.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng 02 điểm trình diễn mô hình thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP.
- Sản phẩm có chất lượng tốt, đảm bảo an toàn theo VietGAP
- Năng suất của mô hình $\geq 10\%$ so với thực tế.
- Thu nhập của mô hình $\geq 10\%$ so với thực tế.
- Cấp 01 giấy chứng nhận VietGAP cho các điểm triển khai mô hình.

- Tổ chức hoạt động tập huấn (01 lớp/30 hộ dân), hướng dẫn kỹ thuật thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP.

- Tổ chức hoạt động tổng kết (01 lớp/30 hộ dân) nhằm chuyển giao kỹ thuật, phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình theo quy định

- Thông tin tuyên truyền: Xây dựng 02 bảng biểu và viết tin bài để quảng bá mô hình và nhân rộng mô hình theo quy định.

III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP TRIỂN KHAI

1. Xây dựng mô hình trình diễn

1.1. Quy mô, địa điểm, thời gian thực hiện

- Mô hình thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP (thời kỳ kinh doanh).

Quy mô: 03ha

- Địa điểm: xã Sơn Trung, huyện Khánh Sơn (nay là xã Đông Khánh Sơn) và Thị trấn Tô Hạp, huyện Khánh Sơn (nay là xã Khánh Sơn), tỉnh Khánh Hòa

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

- Kết quả: tập huấn (01 lớp/30 hộ dân), hội thảo (01 lớp/30 hộ dân) và năng suất của mô hình $\geq 10\%$ so với thực tế.

1.2. Phương pháp chọn điểm, chọn hộ

- Chọn điểm, chọn hộ

Sau khi có Quyết định phê duyệt dự toán triển khai mô hình, Trung tâm Chuyển giao Công nghệ và Khuyến nông (nay là Trung tâm Khuyến nông) thông báo công khai, rộng rãi về kế hoạch xây dựng mô hình trình diễn khuyến nông với địa phương nơi có quy hoạch và tiềm năng diện tích có thể phát triển mô hình; Tiến hành chọn điểm, chọn hộ công khai đáp ứng theo yêu cầu của mô hình.

+ *Chọn điểm:*

Phải tập trung, phù hợp với quy hoạch và định hướng sản xuất của tỉnh, địa phương có nhu cầu áp dụng và thực hiện mô hình;

Điểm xây dựng mô hình gần đường đi lại, thuận tiện cho việc tham quan học tập và nhân rộng mô hình; có vị trí thuận lợi về nguồn nước tưới và đảm bảo không ô nhiễm;

Ưu tiên chọn những xã có đủ diện tích, năng lực, kinh nghiệm và thống nhất cao các hoạt động ứng dụng tiên bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp của địa phương;

+ *Chọn hộ:*

Người dân tự nguyện xin tham gia mô hình, cam kết thực hiện đúng theo quy trình kỹ thuật, các hướng dẫn, quy định của mô hình;

Có đủ các nguồn lực như: diện tích, có lực lượng lao động, vốn đối ứng theo yêu cầu của mô hình;

Có khả năng tiếp thu kỹ thuật thâm canh cây sầu riêng để áp dụng vào sản xuất và hướng dẫn các hộ khác làm theo;

Hộ tham gia mô hình chưa nhận hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung của mô hình;

Cam kết tuân thủ quy trình kỹ thuật và hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật; có tinh thần chia sẻ kinh nghiệm và giúp đỡ các hộ khác trong vùng.

Tạo điều kiện cho Trung tâm và các đoàn tham quan, học tập.

- *Ký hợp đồng thực hiện:*

Sau khi lựa chọn được hộ nông dân tham gia xây dựng mô hình, Đơn vị tiến hành ký hợp đồng cam kết thực hiện mô hình theo quy định, yêu cầu, thỏa thuận đã thống nhất giữa đơn vị xây dựng mô hình và chính quyền địa phương, đảm bảo trên nguyên tắc tự nguyện, cam kết đóng góp vốn đối ứng theo quy định. Hộ nông dân cam kết làm đúng theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật và sản xuất theo đúng quy trình kỹ thuật sau khi được tham gia tập huấn.

- Quy trình áp dụng vào mô hình: Quy trình kỹ thuật thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP (theo Quyết định số 116/QĐ-TT-VPPN ngày 20/3/2023 của Cục Trồng trọt và Quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11892-1:2017 do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố ngày 17/10/2017).

- Quy mô: 03ha

- Dự kiến kết quả đạt được: Xây dựng 02 điểm trình diễn mô hình và năng suất của mô hình $\geq 10\%$ so với thực tế.

- Định mức hỗ trợ vật tư, phân bón cho 1ha thâm canh cây sầu riêng: nhà nước hỗ trợ vật tư, phân bón 100%. Gồm: Ure Phú Mỹ, lân Văn Điển, Kali Phú Mỹ, phân hữu cơ sinh học, thuốc BVTV (Antracol 70WG; Acenyl 3.6EC).

- Các loại vật tư thiết yếu (Ure Phú Mỹ, lân Văn Điển, Kali Phú Mỹ, phân hữu cơ sinh học, thuốc BVTV) có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn quy định và được ký kết với các đơn vị cung ứng có đủ tư cách pháp nhân, năng lực, các vật tư đạt tiêu chuẩn chất lượng.

- Cấp 01 giấy chứng nhận VietGAP cho điểm triển khai mô hình bằng cách thuê đơn vị có tư cách pháp nhân đánh giá VietGAP

+ Cán bộ kỹ thuật hướng dẫn cho hộ dân các nội dung triển khai cụ thể như hướng dẫn các hộ dân chăm sóc và quản lý, thiết kế nhật ký, phòng trừ dịch bệnh, ... trong quá trình canh tác sản xuất.

+ Việc cấp giấy chứng nhận VietGAP cho mô hình sản xuất nông nghiệp được thực hiện thông qua việc ký hợp đồng với một tổ chức chứng nhận (TCCN) có tư cách pháp nhân được chỉ định. Cán bộ kỹ thuật hướng dẫn cho các hộ dân là hoạt động chuẩn bị nội bộ, nhằm đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn VietGAP trước khi TCCN tiến hành đánh giá chính thức.

+ Các chỉ tiêu đánh giá quá trình sản xuất phù hợp với TCVN 11892-1:2017, thực hành sản xuất nông nghiệp tốt – Phần 1: Trồng trọt. Trung tâm tiến hành thuê đơn vị tư vấn và đánh giá quá trình sản xuất, yêu cầu đánh giá chung gồm: tập huấn, cơ sở vật chất (dụng cụ chứa hoặc kho chứa phân bón, thuốc BVTV và hóa chất khác, trang thiết bị, máy móc, dụng cụ phục vụ sản xuất), quy trình sản xuất, ghi chép và lưu trữ hồ sơ, quản lý sản phẩm và truy xuất nguồn gốc, điều kiện làm việc, khiếu nại và giải quyết khiếu nại, kiểm tra nội bộ....

- Định mức hỗ trợ vật tư các loại cho mô hình thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP (thời kỳ kinh doanh) nhà nước hỗ trợ vùng đặc biệt khó khăn (100%) vật tư các loại gồm: phân ure, phân lân, phân kali, phân HCSH, thuốc BVTV. Giá các loại vật tư xây dựng mô hình được tính tại thời điểm mua.

2. Các chỉ tiêu theo dõi: Các chỉ tiêu theo dõi, đánh giá

* Chỉ tiêu sâu, bệnh hại

- Sâu, bệnh hại xuất hiện giai đoạn cây ra lộc đến ra hoa, đậu quả

- Phương pháp theo dõi: quan sát bằng mắt thường ở vườn

(-): Không xuất hiện

(+): xuất hiện và gây hại ở mức độ ít phổ biến

(++): xuất hiện và gây hại ở mức phổ biến

- Các yếu tố cấu thành năng suất: số quả/cây, khối lượng trung bình quả (g/quả), năng suất thực thu (kg/ha/vụ).

- Hiệu quả kinh tế: Thu nhập (lợi nhuận) = Tổng thu – tổng chi phí

2. Đào tạo, tập huấn

- Tổ chức 01 lớp tập huấn, quy mô 30 người/lớp. Đối tượng là những hộ nông dân được chọn tham gia xây dựng mô hình và các hộ lân cận có nhu cầu học tập kỹ thuật thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP (thời kỳ kinh doanh).

- Phương pháp tập huấn: Sử dụng phương pháp tập huấn có sự tham gia; phương pháp tập huấn cho người lớn tuổi; phương pháp tập huấn tại hiện trường (FFS), bên cạnh các phương pháp khuyến nông thì các kỹ năng cá nhân; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng lãnh đạo nhóm của nông dân cũng được giảng viên khai thác triệt để để lớp tập huấn đem lại kết quả cao nhất.

- Sử dụng phương pháp giảng dạy hiện đại lấy học viên làm trung tâm, giảng viên đưa ra các gợi ý để các học viên trao đổi thảo luận, giảng viên chỉ là người hướng dẫn và giải đáp các thắc mắc của học viên.

- Giảng viên là các cán bộ kỹ thuật có trình độ từ đại học trở lên, am hiểu về lĩnh vực nông nghiệp, có kinh nghiệm chỉ đạo thực hiện các mô hình trồng trọt.

3. Thông tin tuyên truyền

- Tại điểm trình diễn xây dựng pano biển báo để thông tin tuyên truyền cho các hộ xung quanh và trong vùng được biết đến thăm quan học tập. Biển báo được làm bằng nhựa mica hoặc bạt in phun màu đóng khung gỗ/sắt chắc chắn, kích thước 0,6 m x 1,0 m trở lên. Biển báo được cắm ở vị trí dễ quan sát, ngay trước vườn, mọi thông tin ghi trên biển báo.

- Tuyên truyền trên đài phát thanh địa phương xã/huyện/đài truyền hình hoặc tin/bài trên báo đài tại địa phương về thông tin mô hình trình diễn tại địa bàn triển khai, để người dân quan tâm biết và học tập làm theo.

- Cán bộ thực hiện mô hình lưu giữ tư liệu của mô hình thông qua các hình ảnh hoặc tư liệu phim trong suốt quá trình hoạt động của mô hình từ khi chọn hộ, hệ thống tưới tiêu, quá trình chăm sóc... đến khi thu hoạch

- Tổ chức 01 lớp tổng kết, quy mô 30 người/lớp. Đối tượng là những hộ nông dân được chọn tham gia xây dựng mô hình và các hộ lân cận có nhu cầu học tập kỹ thuật thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP.

4. Kiểm tra, giám sát đánh giá

- Cán bộ thực hiện mô hình báo cáo định kỳ cho cơ quan để tổng hợp báo cáo cho cơ quan quản lý theo quy định.

- Cơ quan chủ trì, chủ nhiệm mô hình phối hợp cơ quan quản lý cấp trên, chính quyền địa phương tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện mô hình định kỳ ít nhất 1 lần/năm và kiểm tra đột xuất (nếu có).

- Tổ chức nghiệm thu mô hình tại địa bàn theo quy định ngay sau khi kết thúc mô hình, tổng hợp báo cáo theo quy định.

- Tổ chức nghiệm thu và đánh giá kết quả triển khai thực hiện hàng năm theo quy định.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Xây dựng mô hình:

Xây dựng mô hình trồng thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP (thời kỳ kinh doanh) được thực hiện tại xã Sơn Trung, huyện Khánh Sơn (nay là xã Đông Khánh Sơn) và TT Tô Hạp huyện Khánh Sơn (nay là xã Khánh Sơn), tỉnh Khánh Hòa với quy mô 03ha/04 hộ. Hộ tham gia được hỗ trợ 100% vật tư, phân bón.

Để mô hình thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP được thực hiện đúng theo quy trình kỹ thuật cũng như đáp ứng được các tiêu chí kỹ thuật đã đề ra, Trung tâm Khuyến nông và UBND xã Đông Khánh Sơn và xã Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa đã tiến hành kiểm tra, rà soát các hộ đã đăng ký và tổ chức khảo sát,

kiểm tra thực địa trước khi tổ chức họp để chọn ra những hộ đạt yêu cầu để tham gia thực hiện xây dựng mô hình thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP.

Mô hình được tiến hành đúng quy trình các bước lập kế hoạch chi tiết, thông báo công khai, thành lập đoàn kiểm tra chọn hộ và công khai danh sách đạt tiêu chuẩn để tham gia thực hiện mô hình. Kết quả như sau:

Thông tin về chủ mô hình:

Bảng 02: Thông tin về chủ mô hình

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Quy mô (ha)
1	Bo Bo Khá	Xã Khánh Sơn	1
2	Cao Văn Ty	Xã Đông Khánh Sơn	1
3	Thái Thành Hòa	Xã Đông Khánh Sơn	0,5
4	Trương Văn Tra	Xã Đông Khánh Sơn	0,5
Tổng cộng			03

- Kết quả và các chỉ tiêu đạt được:

Bảng 03: Kết quả và các chỉ tiêu đạt được

Chỉ tiêu mô hình	ĐVT	Yêu cầu HD	Thực tế đạt được	Ghi chú
1. Qui mô thực hiện	Ha	03	03	
2. Số hộ tham gia	Hộ	04	04	
3. Thời gian triển khai	Tháng	4-12	4-10	
4. Các loại vật tư phân bón hỗ trợ				Biên bản giao nhận vật tư ngày 20/06/2025
<i>Urê</i>	kg	587	587	
<i>Lân</i>	kg	750	750	
<i>Kali</i>	kg	450	450	
<i>Phân HC sinh học</i>	kg	9.000	9.000	
<i>Thuốc BVTV sâu</i>	Chai	40	40	
<i>Thuốc BVTV bệnh</i>	Gói	18	18	
5. Tập huấn	Lớp	01	01	

6. Sơ/Tổng kết	Lớp	01	01	
7. Thông tin tuyên truyền	Bảng	02	02	
8. Chứng nhận VietGAP	Giấy	01	01	

*** Hỗ trợ vật tư xây dựng mô hình:**

Bảng 04: Giá trị thực tế xây dựng mô hình hỗ trợ cho nông dân

TT	Tên giống, vật tư	Đvt	Số lượng	Giá trị	Ghi chú
1	Phân bón, vật tư thiết yếu			77.831.000	Chi định thầu
-	Ure Phú Mỹ	kg	587	7.631.000	
-	Lân Văn Điển	kg	750	5.250.000	
-	Kali Phú Mỹ	kg	450	4.950.000	
-	HC sinh học Con Trâu năm 01 TN	kg	9.000	54.000.000	
-	Thuốc Aceny 3.6EC/450ml	kg	40	2.400.000	
-	Thuốc Antracol 70WG/ 500gr	gói	18	3.600.000	
3	Tập huấn	Lớp	01	7.940.000	
4	Sơ tổng kết		01	7.940.000	
5	Thông tin tuyên truyền	Bảng	02	2.000.000	
6	Chứng nhận VietGAP	Giấy	01	30.000.000	
Tổng cộng				125.711.000	

- Phân bón: Đúng chủng loại, hàng hóa đảm bảo hạn sử dụng, bao bì nguyên vẹn, không chảy nước, không vón cục, đúng theo chứng nhận hợp quy. Hàng hóa nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam.

- Thuốc BVTV: Đúng số lượng và chủng loại, hàng hóa còn hạn sử dụng và nằm trong danh mục được phép sử dụng của Bộ Nông nghiệp.

- Hình thức hỗ trợ: Giao 01 lần đến tận nơi cho các hộ tham gia thực hiện mô hình gồm: Đơn vị triển khai mô hình và các hộ tham gia xây dựng mô hình, có xác nhận của chính quyền địa phương.

+ Kết quả mô hình của các hộ như sau:

Về tình hình sâu, bệnh hại sâu riêng và bộ phận, thời điểm gây hại:

Qua theo dõi thực tế trên vườn thấy xuất hiện một số đối tượng sâu bệnh hại được thể hiện bằng bảng sau:

Bảng 05: Về tình hình sâu, bệnh hại sầu riêng và bộ phận, thời điểm gây hại

Đối tượng sâu, bệnh hại	Bộ phận gây hại	Thời điểm gây hại	Mức độ
Sâu ăn hoa (<i>Zeuzera coffeara</i>)	Hoa	Giai đoạn ra hoa đến hoa nở	++
Rệp sáp (<i>Pseudococcidae</i> sp.)	Hoa, quả	Giai đoạn ra hoa, ra quả.	++
Rầy xanh	Lá	Giai đoạn ra đọt non	++
Rầy phấn trắng	Lá	Giai đoạn ra đọt non	++
Nhện đỏ	Lá	Các giai đoạn phát triển.	+
Bệnh thối rễ (<i>Phytophthora</i> sp.; <i>Fusarium</i> sp. <i>Pythium</i> sp.)	Rễ	Các giai đoạn phát triển.	+
Bệnh nứt thân, xì mũ (<i>Phytophthora</i> sp.)	Thân	Các giai đoạn phát triển.	+

Ghi chú: ++ là mức độ phổ biến; + là mức độ ít phổ biến.

Kết quả mô hình thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP (thời kỳ kinh doanh) tại 04 hộ dân tham gia mô hình ở vùng Khánh Sơn đều thấy xuất hiện sâu ăn hoa, rệp sáp, rầy xanh và rầy phấn trắng ở mức độ phổ biến. Còn nhện đỏ, bệnh thối rễ và bệnh nứt thân, xì mũ xuất hiện ở mức độ ít phổ biến.

Sâu ăn hoa, rệp sáp, rầy xanh và rầy phấn trắng xuất hiện phổ biến trong mô hình VietGAP thời kỳ kinh doanh do tính nhạy cảm cao của cây sầu riêng với các điều kiện canh tác, đặc biệt là giai đoạn ra hoa, phát đọt non và điều kiện thời tiết (độ ẩm, nắng nóng).

Sâu ăn hoa, rệp sáp, rầy xanh và rầy phấn trắng: Cây sầu riêng trong giai đoạn kinh doanh liên tục ra đọt non, ra hoa, là nguồn thức ăn dồi dào cho các loại sâu rầy này. Mặc dù canh tác theo VietGAP có kiểm soát, áp lực dịch hại trong vùng trồng rất lớn, khiến chúng vẫn xuất hiện phổ biến.

Nhện đỏ, bệnh thối rễ, nứt thân, xì mù ít phổ biến hơn:

Nhện đỏ: Thường phát triển mạnh trong điều kiện khô hạn. Việc áp dụng quy trình tưới theo tiêu chuẩn VietGAP có quản lý tốt nên duy trì độ ẩm trong vườn ổn định, hạn chế sự bùng phát của nhện đỏ.

Bệnh thối rễ, nứt thân, xì mù: Tác nhân chính là nấm *Phytophthora*. Quy trình VietGAP thường nhấn mạnh quản lý nước (tránh ngập úng), sử dụng các loại nấm đối kháng (như *Trichoderma*) và vệ sinh vườn tốt, giúp ức chế sự phát triển của nấm trong đất và hạn chế bệnh bùng phát.

2. Đào tạo, tập huấn

Bảng 06: Giá trị thực tế xây dựng mô hình hỗ trợ cho nông dân

St t	Địa điểm thực hiện	Theo thuyết minh		Thực tế đạt được		Thời gian (theo thực tế)
		Số lớp	Số học viên	Số lớp	Số học viên	
Tập huấn kỹ thuật thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP (thời kỳ kinh doanh)						
1	Tại xã Đông Khánh Sơn	01	30	01	30	Ngày 30/5/2025
Tổng cộng		01	30	01	30	

Trung tâm Khuyến nông đã phối hợp với UBND địa phương xã tiến hành triển khai tổ chức lớp tập huấn kỹ thuật thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP (thời kỳ kinh doanh) tại hội trường UBND xã Đông Khánh Sơn tỉnh Khánh Hòa.

Nội dung tập huấn: Tập huấn quy trình kỹ thuật trồng thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP cho các hộ nông dân tham gia mô hình và ngoài mô hình.

Lớp tập huấn kỹ thuật trồng thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP của Trung tâm Khuyến nông tổ chức đã được Lãnh đạo địa phương và người dân rất quan tâm và hưởng ứng.

- Kết quả lớp tập huấn:

Tham gia dự lớp tập huấn có đại diện Lãnh đạo địa phương và 30 hộ dân trong xã tham gia, chủ yếu là người đồng bào dân tộc Raglay. Các hộ dân đến tham dự đầy đủ, chăm chú lắng nghe, sôi nổi trao đổi qua lại để nắm bắt kiến thức. Với thời lượng tập huấn 01 ngày, cán bộ khuyến nông đã tận tình hướng dẫn, truyền đạt

kỹ thuật chăm sóc cây sầu riêng, giới thiệu các loại sâu bệnh hại chủ yếu, các biện pháp phòng trừ và quy trình canh tác theo VietGAP... Thông qua đó bà con đã cùng trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, cách làm hay để phát triển sản xuất nông nghiệp trong thời gian tới.

- Giảng viên đã hướng dẫn cụ thể quy trình kỹ thuật thâm canh và chăm sóc cây sầu riêng theo quyết định số 116/QĐ-TT-VPPN ngày 20/3/2023 của Cục trồng trọt và quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) theo Tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11892-1:2017 do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố ngày 17/10/2017... cho hộ thực hiện và các hộ khác.

3. Thông tin tuyên truyền

3.1. Pano bảng biểu

Xây dựng được 02 pano bảng biểu giới thiệu về mô hình cho 04 hộ tham gia với nội dung ghi rõ: Tên mô hình, tên mô hình, quy mô, thời gian thực hiện, địa điểm... để các hộ dân trong vùng biết các thông tin về mô hình đến tham quan, học tập và nhân rộng mô hình

Bảng 07: Pano bảng biểu để giới thiệu về mô hình

TT	Nội dung	ĐVT	Theo thuyết minh	Thực tế đạt được	Kinh phí thực hiện (đồng)	Ghi chú
1	Pano	cái	02	02	2.000.000	

3.2. Tổng kết mô hình

Bảng 08: Tổng kết mô hình tại điểm triển khai mô hình

St t	Địa điểm thực hiện	Theo thuyết minh		Thực tế đạt được		Thời gian (theo thực tế)
		Số lớp	Số học viên	Số lớp	Số học viên	
Tổng kết mô hình thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP (thời kỳ kinh doanh)						
1	Tại xã Đông Khánh Sơn	01	30	01	30	Ngày 07/8/2025
	Tổng cộng	01	30	01	30	

- Trung tâm Khuyến nông đã phối hợp với UBND địa phương tiến hành triển khai tổ chức 01 lớp tổng kết mô hình thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP (thời kỳ kinh doanh) cho các hộ dân tại các điểm triển khai mô hình.

- Mời 30 lượt học viên tham gia Tổng kết mô hình có 16 nữ và 14 nam, tất cả đều đồng bào raglai. Các hộ dân đến tham dự đầy đủ, nhiệt tình trao đổi và nắm bắt kiến thức.

- Nội dung: Tổng kết mô hình thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP (thời kỳ kinh doanh).

- Thời gian tổ chức là ngày 07/8/2025 tại xã Đông Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa.

3.3. Viết tin bài

Đã đăng 01 tin bài trên trang Khuyến nông Việt Nam <https://khuyennongvn.gov.vn/hoat-dong-khuyen-nong/chuyen-giao-tbkt/khanh-hoa-hoi-thao-tong-ket-mo-hinh-tham-canhh-cay-sau-rieng-theo-vietgap-31339.html>

4. Chứng nhận VietGAP cho các hộ triển khai mô hình:

Công ty TNHH Tư Vấn Phát triển TP phối hợp với Trung tâm Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường vùng 3 cấp Giấy chứng nhận VietGap cho các hộ tham gia mô hình thâm canh sầu riêng theo VietGAP (thời kỳ kinh doanh).

Các chỉ tiêu đánh giá quá trình sản xuất phù hợp với TCVN 11892-1:2017, thực hành sản xuất nông nghiệp tốt – Phần 1: Trồng trọt (Phụ lục 2).

Thông tin cấp giấy chứng nhận VietGAP cho nhóm hộ sản xuất sầu riêng kèm theo phụ lục 2:

Bảng 09: Thông tin cấp giấy chứng nhận VietGAP cho nhóm hộ sản xuất sầu riêng

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Quy mô (ha)	Giấy chứng nhận
1	Bo Bo Khá	Xã Khánh Sơn	01	- Giấy chứng nhận: Nhóm hộ sản xuất Sầu riêng. - Thời gian hiệu lực: Từ 11/08/2025 đến 11/08/2028.
2	Cao Văn Ty	Xã Đông Khánh Sơn	01	
3	Thái Thành Hòa		0,5	
4	Trương Văn Tra		0.5	
Tổng cộng			03	

Kết quả đạt được của việc thực hành canh tác đạt tiêu chuẩn vietGAP như sau:

- **Đánh giá về chất lượng và an toàn:** Sản phẩm sầu riêng đạt VietGAP cam kết không sử dụng chất cấm, kiểm soát chặt chẽ dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón và kim loại nặng, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng.

- **Về truy xuất nguồn gốc:** Mọi khâu từ nước, phân bón đến thu hoạch đều được ghi chép, giúp dễ dàng kiểm tra "lý lịch" sản phẩm giúp người tiêu dùng yên tâm và có thể kiểm tra khi cần thiết.

- **Bảo vệ môi trường:** Quy trình quy định chặt chẽ việc quản lý chất thải (rác thải nông nghiệp, nước thải) để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

- **Phúc lợi xã hội và người lao động:** Nâng cao an toàn lao động, người sản xuất được trang bị bảo hộ và hướng dẫn sử dụng hóa chất an toàn.

- **Thương hiệu và thị trường:** VietGAP giúp nâng cao uy tín sản phẩm, là "tấm vé" cần thiết để nông sản vào siêu thị (Co.op Mart, WinMart,...) và các chuỗi cửa hàng tiện lợi.

- Các hộ dân tham gia mô hình nhận được giấy chứng nhận VietGAP rất phấn khởi giúp phát triển kinh tế khu vực nông thôn.

5. Kiểm tra, giám sát đánh giá

Theo tiến độ triển khai các nội dung của mô hình, chủ nhiệm mô hình đã chủ động phối hợp với các CBKT của phòng chuyên môn và phòng Hành chính Tổng hợp tiến hành kiểm tra, theo dõi trong quá trình thực hiện (từ giai đoạn chọn hộ, giao vật tư, kiểm tra công tác chăm sóc cây sầu riêng theo VietGAP...).

Nội dung công việc: Kiểm tra tiến độ triển khai của mô hình (có biên bản kèm theo).

TT	Ngày, tháng	Địa điểm	Nội dung kiểm tra
1	07/05/2025	Xã Khánh Sơn	Kiểm tra tiến độ (Quá trình sinh trưởng phát triển của cây, giai đoạn cây rụng trái non sinh lý)
2	05/06/2025	Xã Đông K.Sơn	Xã Khánh Sơn và Xã Đông Khánh Sơn

3	24/06/2025	Xã Đông K.Son	Ktra tiến độ (Hướng dẫn các hộ dân giữ ẩm, bón phân)
4	04/07/2025	Xã Khánh Sơn	Kiểm tra quá trình chăm sóc (xử lý và phòng trừ sâu bệnh hại tấn công tại gốc)
5	18/07/2025	Xã Đông K.Son	“Kiểm tra tiến độ mô hình”
6	05/08/2025	Xã Khánh Sơn	Kiểm tra tiến độ mô hình chuẩn bị tổ chức đánh giá tổng kết

Trong quá trình kiểm tra, cán bộ kỹ thuật có trao đổi trong việc phòng ngừa nấm bệnh tấn công giai đoạn nuôi trái và viết nhật ký mô hình đầy đủ.

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa đã tổ chức kiểm tra và nghiệm thu mô hình triển khai ngày 12/8/2025 tại xã Khánh Sơn và xã Đông Khánh Sơn tỉnh Khánh Hòa. Trong quá trình đoàn kiểm tra thực địa tại 4 hộ tham gia mô hình, đoàn kiểm tra chủ yếu quan tâm và lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của người dân, những khó khăn vướng mắc khi triển khai mô hình.

5. Đánh giá chung kết quả thực hiện mô hình

*** Những kết quả, sản phẩm chính của mô hình đã đạt được**

- Xây dựng mô hình thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP (thời kỳ kinh doanh): quy mô 02ha tại xã Đông Khánh Sơn với 03 hộ tham gia và quy mô 01ha tại xã Khánh Sơn tỉnh Khánh Hòa với 01 hộ tham gia.

- Trung tâm đã phối hợp với địa phương tiến hành tổ chức 01 lớp ngày 30/5/2025 để tập huấn kỹ thuật về Quy trình kỹ thuật thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP (thời kỳ kinh doanh) cho 30 học viên trước khi triển khai thực hiện mô hình trình diễn.

- Thông tin tuyên truyền: Xây dựng 02 pano để tuyên truyền giới thiệu thông tin về Mô hình, quy mô, địa điểm.

- Trung tâm đã phối hợp với địa phương tiến hành tổ chức 01 lớp ngày 07/8/2025 để tổng kết mô hình thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP (thời kỳ kinh doanh) cho 30 học viên giúp đánh giá và tuyên truyền nhân rộng mô hình.

- Trung tâm Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường vùng 3 cấp Giấy chứng nhận cho Nhóm hộ sản xuất Sầu riêng (4 hộ tham gia mô hình tại vùng Khánh Sơn) với thời gian hiệu lực: Từ 11/08/2025 đến 11/08/2028.

- Về hiệu quả kinh tế của nhóm hộ sản xuất sầu riêng tại Khánh Sơn - quy mô: 01ha:

Bảng 10: Năng suất thực thu của nhóm hộ sản xuất sầu riêng tại Khánh Sơn.

TT	Tên Hộ	Diện tích (ha)	Năng suất thực thu (tạ/ha/năm)
1	Bo Bo Khá	1	140
2	Cao Văn Ty	1	140
3	Thái Thành Hòa	0,5	120
4	Trương Văn Tra	0,5	120
Tổng/bình quân		3	130

Qua bảng 10 cho ta thấy năng suất thực thu của các hộ đạt được cao hơn so với các hộ sản xuất sầu riêng lân cận. Tổng năng suất bình quân của 4 hộ tham gia mô hình là 130 tạ/ha/năm tăng gần 19,0% so với năng suất thống kê của huyện (109,3 tạ/ha/năm).

Bảng 11: Về hiệu quả kinh tế của nhóm hộ sản xuất sầu riêng với 01 ha

TT	Hạng mục	ĐVT	Trong mô hình			Đối chứng		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Tổng chi phí				103.928.000	0	0	89.328.000
1	Vật tư cho 01 ha				25.928.000			29.328.000
	Phân urê	kg	196	13.000	2.548.000	196	13.000	2.548.000
	Phân lân	kg	250	7.000	1.750.000	250	7.000	1.750.000
	Phân kali	kg	150	11.000	1.650.000	150	11.000	1.650.000
	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	6.000	18.000.000	3.000	6.000	18.000.000
	Thuốc sâu	chai	13	60.000	780.000	23	60.000	1.380.000
	Thuốc bệnh	gói	6	200.000	1.200.000	20	200.000	4.000.000
2	Công lao động	công			68.000.000			60.000.000
3	Chứng nhận VietGAP				10.000.000			0
II	Tổng thu				650.000.000			535.570.000

	Tổng năng suất	kg			13.000			10.930
	Loại 1				5.850			3.826
	Loại 2				4.550			4.372
	Loại 3				2.600			2.733
	Giá bán TB				50.000			49.000
	Loại 1				65.000			64.000
	Loại 2				50.000			49.000
	Loại 3				35.000			34.000
	<i>Tỷ lệ % năng suất so với đối chứng</i>				18,9			
III	Hiệu quả kinh tế							
	<i>Thu nhập (Lợi nhuận)</i>				546.072.000			446.242.000
	<i>Tỷ lệ % thu nhập so với đối chứng</i>				22,4			

Hiệu quả kinh tế mô hình thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP (thời kỳ kinh doanh): Năng suất bình quân của mô hình 130 tạ/ha/năm, tăng gần 19,0% so với đối chứng (109,3 tạ/ha/năm). Với giá bán bình quân 50.000 đồng/kg (cao hơn ngoài mô hình 1.000đ/kg) thì lợi nhuận thu được hơn 546 triệu đồng/01ha (sau khi trừ chi phí), tăng 22,4% so với đối chứng. Lợi nhuận tăng cao chủ yếu là do tỉ lệ trái loại 1 của mô hình thâm canh sầu riêng theo VietGAP cao hơn nhiều so với đối chứng. Mặc dù, công lao động của mô hình tham gia VietGAP cao hơn do quản lý dư lượng thuốc nghiêm ngặt hơn và tuyệt đối không phun thuốc cỏ trong vườn so với đối chứng. Hàm lượng thuốc BVTV của hộ dân ngoài mô hình (đối chứng) cũng sử dụng nhiều hơn so với trong mô hình.

V. HIỆU QUẢ VÀ KHẢ NĂNG NHÂN RỘNG CỦA MÔ HÌNH

1. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường

- Hiệu quả kinh tế mô hình: Năng suất 130 tạ/ha/năm, tăng gần 19,0% so với đối chứng và chất lượng sản phẩm sầu riêng đạt tiêu chuẩn VietGAP.

- Mô hình đã góp phần chuyển đổi từ phương pháp canh tác truyền thống sang phương pháp canh tác an toàn môi trường, an toàn cho người sản xuất và người tiêu dùng theo tiêu chuẩn VietGAP đạt hiệu quả kinh tế cao.

- Nâng cao nhận thức và trình độ canh tác theo hướng an toàn cho người sản xuất và người tiêu dùng, hạn chế ô nhiễm môi trường, hướng đến nền sản xuất ổn định và bền vững.

2. Khả năng mở rộng của mô hình

Các mô hình thâm canh cây sàu riêng theo VietGAP (thời kỳ kinh doanh) đang được triển khai rộng rãi theo hướng VietGAP để xây dựng mã số vùng trồng. Điều này đảm bảo chất lượng trái, từ độ lớn, độ đều, giúp sản phẩm dễ dàng xuất khẩu.

VI. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ

1. Tổng kinh phí mô hình: 125.711.000 đ

Nguồn vốn NSNN: 125.711.000 đ

Nguồn vốn đối ứng: 0 đ

2. Tình hình cấp phát kinh phí: 125.711.000 đ

3. Tình hình sử dụng kinh phí: 125.711.000 đ

VII. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận

- Xây dựng 02 điểm triển khai mô hình thâm canh cây sàu riêng theo VietGAP (thời kỳ kinh doanh). Tạo ra sản phẩm (sàu riêng) có chất lượng tốt, đảm bảo an toàn theo VietGAP. Qua thực tế triển khai nhận thấy: Nhóm hộ sản xuất sàu riêng (Bo Bo Khá, Cao Văn Ty, Thái Thành Hòa và Trương Văn Tra), với quy mô 03ha có năng suất tăng gần 19,0 %, thu nhập tăng 22,4% so với ngoài mô hình (đối chứng) và cấp 01 giấy chứng nhận VietGAP cho nhóm hộ sản xuất sàu riêng.

- Tổ chức hoạt động tập huấn (01 lớp/30 hộ dân), hướng dẫn kỹ thuật thâm canh cây sàu riêng theo VietGAP (thời kỳ kinh doanh).

- Tổ chức hoạt động tổng kết (01 lớp/30 hộ dân) nhằm chuyển giao kỹ thuật, phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình theo quy định

- Thông tin tuyên truyền: Xây dựng 02 bảng biểu để quảng bá mô hình và 01 tin bài đăng trên trang Khuyến nông Việt Nam góp phần nhân rộng mô hình theo quy định.

2. Đề nghị:

Địa phương cần theo dõi, kiểm tra, nhắc nhở các hộ dân duy trì phương pháp canh tác cây sầu riêng theo tiêu chuẩn VietGAP và tuyên truyền nhân rộng mô hình.

Hộ dân tiếp tục duy trì phương pháp canh tác an toàn môi trường, an toàn cho người sản xuất và người tiêu dùng theo tiêu chuẩn VietGAP đạt hiệu quả kinh tế cao.

CHỦ NHIỆM MÔ HÌNH
(Ký, ghi rõ họ tên)



Võ Thị Bích Chi

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 03 năm 2026
CƠ QUAN CHỦ TRÌ MÔ HÌNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Dũng

Phụ lục 1
Một số hình ảnh: Mô hình thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP (thời kỳ kinh doanh)



Hình ảnh 1: Công tác phối hợp kiểm tra giám sát của địa phương và cán bộ kỹ thuật tại hộ ông Trương Văn Tra đề hướng dẫn kỹ thuật canh tác sầu riêng theo VietGAP



Hình 2: Công tác phối hợp kiểm tra giám sát của địa phương và cán bộ kỹ thuật tại hộ ông Thái Thành Hòa



Hình 3: Công tác phối hợp kiểm tra giám sát của địa phương và cán bộ kỹ thuật tại hộ ông Cao Văn Ty



Hình 4: Công tác phối hợp kiểm tra giám sát của địa phương và cán bộ kỹ thuật tại các hộ triển khai mô hình về quy trình canh tác VietGap.



Hình ảnh 5,6,7: Nhận phân giao phân bón đến tận tay hộ dân



Hình ảnh 8,9: Tập huấn mô hình thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP (thời kỳ kinh doanh) tại hội trường xã Đông Khánh Sơn ngày 30/5/2025



Hình ảnh 10,11: Tổng kết mô hình thâm canh cây sầu riêng theo VietGAP (thời kỳ kinh doanh) tại vườn ông Cao Văn Ty thuộc xã Đông Khánh Sơn ngày 07/8/2025



Hình ảnh 12,13: Đoàn kiểm tra nghiệm thu hiện trường mời lãnh đạo Sở và các cơ quan liên quan tại 04 hộ tham gia mô hình.



Hình ảnh 14,15: Cây sầu riêng giai đoạn thu hoạch chằng quả và

Phụ lục 2
Hồ sơ chứng nhận vietGAP

CỤC CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN
VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN
VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VÙNG 3

Số: 196/QĐ-CCPT3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
V/v thành lập Đoàn đánh giá chứng nhận VietGAP

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VÙNG 3

Căn cứ Quyết định số 1083/QĐ-BNNMT ngày 24/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 3;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động chứng nhận số 1600/TĐC-HCHQ ngày 08/5/2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng - Bộ Khoa học Công nghệ;

Căn cứ hồ sơ đăng ký chứng nhận và Hợp đồng đánh giá chứng nhận VietGAP số: 55.2025/HĐ-CCPT3 ngày 23/07/2025 giữa Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 3 và Nhóm hộ sản xuất Sầu Riêng;

Căn cứ năng lực và kinh nghiệm của các chuyên gia đánh giá;

Theo đề nghị của Tổ Đảm bảo Chất lượng;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập đoàn đánh giá chứng nhận Quá trình sản xuất sản phẩm: quả sầu riêng phù hợp với Tiêu chuẩn TCVN 11892-1:2017, Thực hành nông nghiệp tốt tại Việt Nam (VietGAP) – Phần 1: Trồng trọt tại Nhóm hộ sản xuất Sầu Riêng gồm các thành viên sau:

1. Ông: Nguyễn Lê Kỳ Phán - Chuyên gia đánh giá - Trưởng đoàn;
2. Ông: Võ Đình Huy - Chuyên gia đánh giá - Thành viên

Ngày đánh giá: sáng ngày 31/7/2025

Địa điểm: Xã Khánh Sơn và xã Đông Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa

Điều 2. Hoạt động đánh giá, chứng nhận Quá trình sản xuất sản phẩm trồng trọt phù hợp tiêu chuẩn TCVN 11892-1:2017 phải tuân thủ quy định Thủ tục đánh giá, chứng nhận sản phẩm/quá trình phù hợp tiêu chuẩn/ quy chuẩn - TT.HT.17.

Điều 3. Trưởng đoàn đánh giá có trách nhiệm lập kế hoạch đánh giá, tổ chức thực hiện đánh giá, bảo mật các thông tin liên quan thu được trong quá trình đánh giá theo đúng quy định hiện hành. Đoàn đánh giá tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ nêu tại Điều 2.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Trưởng phòng Chất lượng, ATTP; Tổ Đảm bảo Chất lượng; Đoàn đánh giá nêu tại Điều 1 và Trưởng nhóm hộ sản xuất Sầu Riêng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu VT, HSCN.

Luk



Lê Hoàng Lâm

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT PHÙ HỢP VỚI
TCVN 11892-1: 2017, THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT – PHẦN 1: TRỒNG TRỌT

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở: Nhóm hộ sản xuất Sầu Riêng
Địa chỉ: Xã Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa
Người đại diện: Bo Bo Khá - Trưởng nhóm Điện thoại: 0397 423 712
2. Thời điểm đánh giá: 31/7/2025
3. Hình thức đánh giá: lần đầu giám sát chứng nhận lại mở rộng phạm vi chứng nhận
4. Địa điểm sản xuất: Xã Khánh Sơn và xã Đông Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa
Địa điểm sơ chế: Xã Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa
Số thành viên được đánh giá: 02 địa điểm sản xuất (Bo Bo Khá, Cao Văn Ty)
5. Sản phẩm/ nhóm sản phẩm: quả sầu riêng
6. Diện tích: 3 ha
Sản lượng dự kiến: 60 tấn/năm
7. Thành phần đoàn đánh giá: (theo Quyết định số: 196/QĐ-CCPT3 ngày ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Trung tâm Chất lượng, Chế biến và PTTT vùng 3):
1. Nguyễn Lê Kỳ Phán - Trưởng đoàn
2. Võ Đình Huy- Thành viên
8. Đại diện cơ sở: 1. Bo Bo Khá - Trưởng nhóm
2. Lê Minh Vũ – Trạm Khuyến nông Khánh Sơn
9. Nội dung đánh giá: đánh giá quá trình sản xuất sản phẩm: quả sầu riêng phù hợp với TCVN 11892-1: 2017, Thực hành nông nghiệp tốt tại Việt Nam (VietGAP) – Phần 1: Trồng trọt

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

Điều khoản	Yêu cầu	Kết quả			Diễn giải	
		PH	KPH			K/nghị
			Nặng	Nhẹ		
3.1.1.	Tập huấn					
3.1.1.1	Người trực tiếp quản lý VietGAP phải được tập huấn về VietGAP trồng trọt hoặc có Giấy xác nhận kiến thức ATTP	✓			Tổ trưởng và các hộ thành viên đã tham gia nhiều lớp kiến thức ATTP, VietGAP do các cơ quan	

Điều khoản	Yêu cầu	Kết quả				Diễn giải
		PH	KPH		K/nghị	
			Nặng	Nhẹ		
						quản lý tại địa phương tổ chức
3.1.1.2	Người lao động phải được tập huấn (nội bộ hoặc bên ngoài) về VietGAP trồng trọt hoặc có kiến thức về VietGAP trồng trọt ở công đoạn họ trực tiếp làm việc. Nếu có sử dụng các hóa chất đặc biệt cần được tập huấn theo quy định hiện hành của nhà nước	✓				Chủ hộ giám sát công nhân làm việc tại vườn trồng
3.1.1.3	Người kiểm tra nội bộ phải được tập huấn (nội bộ/ bên ngoài) về VietGAP trồng trọt hoặc có kiến thức về VietGAP trồng trọt và kỹ năng đánh giá VietGAP trồng trọt	✓				Cơ sở thực hiện đánh giá nội bộ ngày 17/7/2025.
3.1.2.	Cơ sở vật chất					
3.1.2.1	Dụng cụ chứa hoặc kho chứa phân bón, thuốc BVTV và hóa chất khác: - Phải kín, không rò rỉ ra bên ngoài; có dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm; nếu là kho thì cửa kho phải có khóa và chỉ những người có nhiệm vụ mới được vào kho. Không đặt trong khu vực sơ chế, bảo quản sản phẩm, sinh hoạt và không gây ô nhiễm nguồn nước - Cần có sẵn dụng cụ, vật liệu xử lý trong trường hợp đổ, tràn phân bón, thuốc BVTV và hóa chất	✓				Có kho chứa phân bón và bảo quản nông cụ, vật tư nông nghiệp chắc chắn để bảo quản khi cần
3.1.2.2	Nhà sơ chế, bảo quản sản phẩm (nếu có): - Phải được xây dựng ở vị trí phù hợp đảm bảo hạn chế nguy cơ ô nhiễm từ khói, bụi, chất thải, hóa chất độc hại từ các nguồn gây ô nhiễm - Khu vực sơ chế phải được bố trí theo nguyên tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm cuối cùng	-	-	-	-	Không đánh giá do cơ sở không thực hiện sơ chế sản phẩm. Sản phẩm được bán trực tiếp cho thương lái tại địa phương
3.1.2.3	Trang thiết bị, máy móc, dụng cụ phục vụ sản xuất, sơ chế: - Phải được làm sạch trước, sau khi sử dụng và bảo dưỡng định kỳ - Bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm phải đáp ứng quy định của pháp luật	✓				Máy móc dụng cụ sản xuất được làm sạch và bảo dưỡng định kỳ
3.1.2.4	Có sơ đồ bố trí mặt bằng khu vực sản xuất và các khu vực phụ trợ	✓				

Điều khoản	Yêu cầu	Kết quả				Diễn giải
		PH	KPH		K/ngợi	
			Nặng	Nhẹ		
3.1.3	Phải có quy trình sản xuất nội bộ cho từng cây trồng hoặc nhóm cây trồng phù hợp với từng điều kiện của từng cơ sở sản xuất và các yêu cầu của VietGAP trồng trọt	✓				Cơ sở xây dựng, ban hành và áp dụng cho nội bộ
3.1.4	Ghi chép và lưu trữ hồ sơ: - Phải thực hiện ghi chép các nội dung theo quy định - Phải có quy định và thực hiện lưu trữ, kiểm soát tài liệu và hồ sơ. - Thời gian lưu trữ hồ sơ tối thiểu là 12 tháng tính từ ngày thu hoạch	✓				Toàn bộ hồ sơ nhập – mua và sử dụng phân bón, thuốc BVTV được theo dõi và lưu trữ đầy đủ tại các hộ được đánh giá
3.1.5	Quản lý sản phẩm và truy xuất nguồn gốc:					
3.1.5.1	- Sản phẩm phải đáp ứng các yêu cầu về An toàn thực phẩm - Trường hợp phát hiện có chỉ tiêu vượt mức giới hạn tối đa cho phép phải điều tra nguyên nhân, có biện pháp khắc phục hiệu quả, lập thành văn bản và lưu hồ sơ	✓				Kết quả phân tích mẫu năm 2025 phù hợp với quy định hiện hành
3.1.5.2	Cơ sở sản xuất phải lấy mẫu và phân tích sản phẩm theo quy định trên cơ sở kết quả đánh giá nguy cơ trong quá trình sản xuất. Mẫu sản phẩm cần phân tích tại phòng thử nghiệm được công nhận hoặc được chỉ định Ghi phương pháp lấy mẫu sản phẩm và lưu kết quả phân tích	✓				Như trên
3.1.5.3	Phải có quy định xử lý sản phẩm không đảm bảo ATTP	✓				Quy trình xử lý sản phẩm không đảm bảo ATTP được xây dựng và ban hành nội bộ
3.1.5.4	Phải phân biệt với sản phẩm được chứng nhận VietGAP và sản phẩm không được chứng nhận VietGAP trong quá trình thu hoạch, sơ chế	✓				Toàn bộ sản phẩm đều được sản xuất theo quy trình VietGAP
B1 – Phụ lục B	Quản lý cỏ dại (chỉ áp dụng đối với chè búp tươi): Phải có biện pháp loại bỏ các loại cỏ dại chứa độc tố Pyrrolizidine alkaloids (PAs) để tránh lẫn với sản phẩm chè	–	–	–	–	Không đánh giá

Điều khoản	Yêu cầu	Kết quả			Diễn giải	
		PH	KPH			K/ngợi
			Nặng	Nhẹ		
3.1.5.5	<p>Phải có quy định truy xuất nguồn gốc sản phẩm giữa cơ sở sản xuất với khách hàng và trong nội bộ cơ sở sản xuất.</p> <p>Quy định truy xuất nguồn gốc phải được vận hành thử trước khi chính thức thực hiện và lưu hồ sơ</p>	✓				Quy định truy xuất nguồn gốc sản phẩm được xây dựng và ban hành nội bộ trong cơ sở
3.1.6	<p>Điều kiện làm việc và vệ sinh cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần cung cấp các điều kiện làm việc, sinh hoạt và trang thiết bị tối thiểu, an toàn cho người lao động - Nhà vệ sinh, chỗ rửa tay cần sạch sẽ và có hướng dẫn vệ sinh cá nhân - Cần có quy định về bảo hộ lao động, hướng dẫn sử dụng an toàn trang thiết bị, máy móc trong quá trình sản xuất - Bảo hộ lao động (quần áo, găng tay, khẩu trang, ủng...) cần được vệ sinh sạch trước khi sử dụng và để đúng nơi quy định, không để chung với nơi chứa thuốc BVTV, phân bón và các hóa chất khác - Cần có thiết bị hoặc dụng cụ sơ cứu để xử lý trong trường hợp cần thiết 	✓				Các hộ tự trang bị cho công nhân và người làm việc tại vườn trồng
3.1.7	<p>Khiếu nại và giải quyết khiếu nại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải có quy định giải quyết khiếu nại liên quan đến sản phẩm và quyền lợi của người lao động. <p>Lưu hồ sơ về khiếu nại và giải quyết khiếu nại (nếu có)</p>	✓				Có sẵn đơn khiếu nại và Quy trình giải quyết khiếu nại
3.1.8	<p>Kiểm tra nội bộ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải tổ chức kiểm tra theo các yêu cầu của VietGAP trồng trọt không quá 12 tháng một lần; khi phát hiện điểm không phù hợp phải phân tích nguyên nhân và có hành động khắc phục. Thời gian thực hiện hành động khắc phục trước khi giao hàng cho khách hàng nhưng không quá 03 tháng tùy thuộc nội dung điểm không phù hợp. - Đối với cơ sở sản xuất nhiều thành viên và cơ sở có nhiều địa điểm sản xuất phải kiểm tra tất cả các thành viên, địa điểm sản xuất - Kết quả kiểm tra và hành động khắc phục điểm không phù hợp với 	✓				Công ty thực hiện đánh giá nội bộ ngày 17/7/2025. Không có điểm không phù hợp nào bị phát hiện

Điều khoản	Yêu cầu	Kết quả			Diễn giải	
		PH	KPH			K/ngợi
			Nặng	Nhẹ		
	VietGAP trồng trọt phải lập thành văn bản và lưu hồ sơ					
3.1.9	Đối với cơ sở sản xuất nhiều thành viên hoặc nhiều địa điểm sản xuất: Phải có quy định nội bộ về phân công nhiệm vụ, tổ chức sản xuất, kiểm tra, giám sát và được phổ biến đến tất cả các thành viên, địa điểm sản xuất	✓			Cơ sở ban hành và phổ biến đến các hộ thành viên	
3.2	Yêu cầu đối với quá trình sản xuất					
3.2.1	Đánh giá lựa chọn khu vực sản xuất: - Phải lựa chọn khu vực sản xuất phù hợp, giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm khói, bụi, không bị ô nhiễm bởi chất thải, hóa chất độc hại từ hoạt động giao thông, công nghiệp, làng nghề, khu dân cư, bệnh viện, khu chăn nuôi, cơ sở giết mổ, nghĩa trang, bãi rác và các hoạt động khác - Phải đánh giá nguy cơ gây ô nhiễm sản phẩm về hóa học và sinh học từ các hoạt động trước đó và từ các khu vực xung quanh. Trường hợp xác định có môi nguy phải có biện pháp ngăn ngừa và kiểm soát hiệu quả hoặc không tiến hành sản xuất - Khu vực sản xuất VietGAP trồng trọt của cơ sở có nhiều địa điểm phải có tên hoặc mã số cho từng địa điểm - Khu vực sản xuất VietGAP trồng trọt cần được phân biệt hoặc có biện pháp cách ly và giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm từ các khu vực trồng trọt không áp dụng VietGAP trồng trọt lân cận (nếu có)	✓			Cơ sở thường xuyên thực hiện đánh giá nguy cơ ô nhiễm. Kết quả không phát hiện nguy cơ ô nhiễm và thực tế đánh giá tại khu vực sản xuất Công ty thường xuyên theo dõi và ghi nhận lại những nguy cơ phát sinh trong quá trình sản xuất	
3.2.2	Quản lý đất, giá thể, nước và vật tư đầu vào					
3.2.2.1	Đất, giá thể, nước:					
3.2.2.1.1	Đất, giá thể, nước tưới có hàm lượng kim loại nặng không vượt quá giới hạn tối đa cho phép đối với tầng đất nông nghiệp và chất lượng nước mặt	✓			Sử dụng nguồn nước mạch để tưới Năm 2025, đất trồng và nước tưới đã được lấy mẫu và phân tích các chỉ tiêu kim loại nặng có kết quả phù hợp với các quy định hiện hành.	
A1-Phụ lục A	Giá thể (chỉ áp dụng với rau quả tươi):	-	-	-	Không đánh giá vì không sử dụng giá thể	

Điều khoản	Yêu cầu	Kết quả				Diễn giải
		PH	KPH		K/nghị	
			Nặng	Nhẹ		
	- Nguyên liệu làm giá thể phải có nguồn gốc rõ ràng - Ghi hồ sơ về thành phần bổ sung vào giá thể - Giá thể rau mầm, nấm cần được khử trùng và bảo quản tránh ô nhiễm vi sinh vật					
A2.1- Phụ lục A	Đối với rau ăn sống và quả ăn ngay (chỉ áp dụng với rau quả): ngoài đáp ứng chỉ tiêu kim loại nặng, cần đáp ứng các chỉ tiêu vi sinh vật không vượt quá giới hạn cho phép	-	-	-	-	Không sản xuất
A2.1- Phụ lục A	Đối với nấm và rau mầm (chỉ áp dụng với rau quả): phải đáp ứng quy định chất lượng nước sinh hoạt	-	-	-	-	Không đánh giá
3.2.2.1.2	Nước sử dụng sau thu hoạch đạt yêu cầu theo quy định về chất lượng nước sinh hoạt	-	-	-	-	Không đánh giá
3.2.2.1.3	Phải theo dõi phát hiện mỗi nguy cơ trong quá trình sản xuất, sau thu hoạch để đáp ứng các yêu cầu. Khi phát hiện mỗi nguy cơ phải áp dụng các biện pháp kiểm soát, nếu không hiệu quả phải thay thế giá thể, nguồn nước khác hoặc dừng sản xuất	✓				Cơ sở thường xuyên theo dõi khu vực sản xuất và xung quanh vườn trồng
3.2.2.1.4	Cơ sở sản xuất phải lấy mẫu đất, giá thể, nước tưới và phân tích mẫu trên cơ sở đánh giá nguy cơ trong quá trình sản xuất. Mẫu cần phân tích tại phòng thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định. Ghi lại phương pháp lấy mẫu và kết quả phân tích	✓				
3.2.2.1.5	Trường hợp muốn tái sử dụng nước thải để tưới phải xử lý đạt yêu cầu về chất lượng nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu	-	-	-	-	Không đánh giá vì không sử dụng nước thải
3.2.2.1.6	Trường hợp sử dụng hóa chất để xử lý đất, giá thể, nước phải ghi và lưu hồ sơ về: thời gian, phương pháp, hóa chất và thời gian cách ly (nếu có)	✓				
3.2.2.1.7	Bảo vệ tài nguyên đất: Cần có biện pháp canh tác phù hợp với điều kiện đất đai, cây trồng; tránh gây ô nhiễm môi trường và suy thoái tài nguyên đất	✓				
3.2.2.1.8	Bảo vệ tài nguyên nước: - Việc tưới dựa trên nhu cầu của cây trồng và độ ẩm của đất. Cần áp dụng phương pháp tưới hiệu quả, tiết kiệm	✓				Bao bì phân bón, thuốc BVTV được thu gom sạch sẽ và xử lý theo rác thải môi trường

Điều khoản	Yêu cầu	Kết quả			Diễn giải	
		PH	KPH			K/ngợi
			Nặng	Nhẹ		
	<p>và thường xuyên kiểm tra hệ thống tưới nhằm hạn chế tối đa lượng nước thất thoát và rủi ro tác động xấu đến môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần có biện pháp kiểm soát rò rỉ của thuốc BVTV và phân bón để tránh gây ô nhiễm cho nguồn nước - Các hỗn hợp hóa chất và thuốc BVTV đã pha, trộn nhưng sử dụng không hết phải được xử lý đảm bảo không làm ô nhiễm nguồn nước và sản phẩm 					
3.2.2.2	<p>Giống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải sử dụng giống cây trồng có nguồn gốc rõ ràng, được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hoặc giống địa phương được sản xuất, sử dụng lâu năm không gây độc cho người - Cần lựa chọn giống có khả năng kháng sâu bệnh để giảm sử dụng thuốc BVTV 	✓			Giống được mua từ cơ sở cung ứng giống tại địa phương	
3.2.2.3	<p>Phân bón và chất bón bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải sử dụng phân bón và chất bón bổ sung được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam. Nếu sử dụng phân gia súc, gia cầm thì phải ủ hoại mục và kiểm soát hàm lượng kim loại nặng theo quy định - Cần sử dụng phân bón theo nhu cầu của từng loại cây trồng, kết quả phân tích chất dinh dưỡng trong đất, giá thể hoặc theo quy định đã được khuyến cáo của cơ quan chức năng - Phân bón và chất bón bổ sung phải giữ nguyên trong bao bì; nếu đổi sang bao bì, vật chứa khác phải ghi rõ và đầy đủ tên, hướng dẫn sử dụng, hạn sử dụng như bao bì ban đầu. - Một số loại phân bón và chất bón bổ sung như: amoni nitrat, nitrat kali, vôi sống phải được bảo quản tránh nguy cơ gây cháy, nổ, làm tăng nhiệt độ 	✓			Cơ sở sử dụng phân bón NPK: Yara có dấu chứng nhận hợp quy	
A.3-Phụ lục A	Yêu cầu Phân bón (chỉ áp dụng với rau quả)					
A.3.1	Không sử dụng chất thải người để làm phân bón	✓				

Điều khoản	Yêu cầu	Kết quả				Diễn giải
		PH	KPH		K/nghị	
			Nặng	Nhẹ		
A.3.2	Không sử dụng phân bón trong sản xuất rau mầm	-	-	-	-	Không đánh giá
A.3.3	Đối với sản xuất thủy canh việc sử dụng, phối trộn và xử lý chất dinh dưỡng phải được giám sát và lưu hồ sơ	-	-	-	-	Không sản xuất rau theo phương pháp thủy canh
3.2.2.4	Thuốc BVTV và hóa chất					
3.2.2.4.1	- Cần áp dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) hoặc quản lý cây trồng tổng hợp (ICM). Trường hợp sử dụng thuốc BVTV phải sử dụng thuốc trong Danh mục được phép sử dụng tại Việt Nam theo nguyên tắc 4 đúng hoặc hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật, nhà sản xuất - Mua thuốc tại các cửa hàng đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV	✓				Có sẵn để sử dụng khi cần
3.2.2.4.2	Khi sử dụng thuốc BVTV phải có biện pháp ngăn chặn sự phát tán sang các ruộng xung quanh; phải có biển cảnh báo khu vực mới phun thuốc; thuốc BVTV đã pha không dùng hết cần được thu gom và xử lý theo quy định về chất thải nguy hại	✓				
3.2.2.4.3	Cần có danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng trên cây trồng dự kiến sản xuất, trong đó bao gồm tên thương mại, hoạt chất, đối tượng cây trồng và dịch hại	✓				Cơ sở xây dựng và ban hành để sử dụng nội bộ
3.2.2.4.4	Trường hợp lưu trữ và sử dụng các loại nhiên liệu, xăng dầu và hóa chất khác phải đảm bảo được phép sử dụng, không gây ô nhiễm sản phẩm và môi trường, an toàn cho người lao động, các yêu cầu phòng chống cháy nổ	✓				
3.2.2.4.5	Thuốc BVTV phải giữ nguyên trong bao bì; nếu đổi sang bao bì, vật chứa khác phải ghi rõ và đầy đủ tên, hướng dẫn sử dụng, hạn sử dụng như bao bì ban đầu. Các hóa chất không sử dụng hoặc hết hạn sử dụng phải thu gom và xử lý theo quy định. Bảo quản theo hướng dẫn ghi trên bao bì sản phẩm hoặc theo hướng dẫn của nhà sản xuất	✓				Không phát hiện thuốc BVTV hết hạn/ bị cấm sử dụng tại thời điểm đánh giá
A.4 - Phụ lục A	Yêu cầu về thuốc BVTV (chỉ áp dụng đối với rau quả tươi)					

Điều khoản	Yêu cầu	Kết quả				Diễn giải
		PH	KPH		K/ngợi	
			Nặng	Nhẹ		
A.4.1	Đối với rau mầm: không sử dụng hóa chất, thuốc BVTV trong bảo quản, xử lý hạt giống và quá trình sản xuất trừ một số hóa chất: còn thực phẩm, nước ấm,... để khử trùng hạt giống	-	-	-	-	Không đánh giá vì không sản xuất
A.4.2	Đối với nấm: không sử dụng thuốc BVTV trong sản xuất, chất bảo quản trong quá trình sơ chế	-	-	-	-	Không đánh giá vì không sản xuất
3.2.3	Thu hoạch, bảo quản và vận chuyển sản phẩm					
3.2.3.1	Thu hoạch sản phẩm phải đảm bảo thời gian cách ly đối với thuốc BVTV theo quy định hiện hành hoặc hướng dẫn của nhà sản xuất	✓				Thu hoạch đúng thời gian cách ly thể hiện trên hồ sơ ghi chép
3.2.3.2	Cần thu hoạch vào thời điểm sản phẩm có chất lượng tốt nhất	✓				
B.2 – Phụ lục B	Thu hoạch (chỉ áp dụng với chè búp tươi): Chè búp tươi sau khi thu hoạch cần tránh nén chặt, làm dập nát, ôi ngớt, không để qua đêm trên đồng ruộng và cần được đưa đi chế biến trong thời gian sớm nhất	-	-	-	-	Không đánh giá vì không sản xuất
3.2.3.3	Phải có biện pháp kiểm soát tránh sự xâm nhập của động vật vào khu vực sản xuất trong giai đoạn chuẩn bị thu hoạch và thời điểm thu hoạch, nhà sơ chế và bảo quản sản phẩm, trường hợp sử dụng bẫy, bả để kiểm soát động vật cần đặt tại những vị trí ít có nguy cơ gây ô nhiễm cho sản phẩm, ghi và lưu hồ sơ	✓				
3.2.3.4	Nơi bảo quản sản phẩm phải sạch sẽ, ít có nguy cơ ô nhiễm lên sản phẩm. Trường hợp sử dụng các chất bảo quản chỉ sử dụng các chất được phép sử dụng theo quy định hiện hành	✓				
A.5 – Phụ lục A	Đối với rau ăn sống và quả ăn ngay (chỉ áp dụng đối với rau quả tươi): không để sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với đất	✓				
A.6.1 – Phụ lục A	Trường hợp cơ sở sản xuất nhiều loại rau cùng một thời điểm (chỉ áp dụng với rau quả tươi): phải lấy và phân tích mẫu theo nhóm	-	-	-	-	Chỉ sản xuất một sản phẩm là sầu riêng
A.6.2 – Phụ lục A	Đối với rau ăn sống và quả ăn ngay (chỉ áp dụng với rau quả tươi): phải đáp ứng thêm các quy định về giới hạn vi sinh vật trong thực phẩm	-	-	-	-	

Điều khoản	Yêu cầu	Kết quả			Diễn giải	
		PH	KPH			K/nghị
			Nặng	Nhẹ		
3.2.3.5	Phải vận chuyển, bảo quản sản phẩm trong điều kiện thích hợp theo yêu cầu của sản phẩm, không lẫn với các hàng hóa khác có nguy cơ gây ô nhiễm	✓				
3.2.4	Quản lý rác thải, chất thải					
3.2.4.1	Không tái sử dụng các bao bì, thùng chứa phân bón, thuốc BVTV, hóa chất để chứa đựng sản phẩm. Vỏ bao bì, gói thuốc BVTV, phân bón sau khi sử dụng phải thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	✓			Vỏ bao bì được thu gom và xử lý theo rác thải môi trường	
3.2.4.2	Rác thải trong quá trình sản xuất, sơ chế; chất thải từ nhà vệ sinh phải thu gom và xử lý đúng quy định	✓			Rác thải hữu cơ được thu gom và ủ phân	
3.2.4.3	Người lao động: người lao động cần sử dụng bảo hộ lao động phù hợp với đặc thù công việc nhằm hạn chế nguy cơ ô nhiễm cho sản phẩm cũng như tác động xấu đến sức khỏe	✓			Cơ sở tự trang bị	
TỔNG CỘNG		41	0	0		

III. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

- Số điểm phù hợp: 41 chỉ tiêu
- Số điểm không phù hợp loại nặng:
- Số điểm không phù hợp loại nhẹ:
- Các điểm khuyến nghị:

IV. KẾT LUẬN CỦA ĐOÀN ĐÁNH GIÁ:

Tại thời điểm đánh giá, Quy trình sản xuất sản phẩm: quả sầu riêng của Nhóm hộ sản xuất Sầu Riêng phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN 11892-1: 2017 - Thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP). Đề nghị Nhóm hộ sản xuất Sầu Riêng tiếp tục duy trì quy trình sản xuất phù hợp VietGAP.

Đề nghị Giám đốc Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 3 xem xét và cấp Giấy chứng nhận VietGAP cho Cơ sở

V. Ý KIẾN CỦA CƠ SỞ:

.....

VI. VẤN ĐỀ KHÁC:

.....

Biên bản đánh giá được đọc lại cho Đoàn đánh giá; đại diện cơ sở cùng nghe và thống nhất ký tên vào biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản, có nội dung như nhau, đoàn đánh giá giữ 01 bản, 01 bản lưu tại cơ sở

Biên bản đánh giá kết thúc vào lúc 12h00 ngày 31 tháng 07 năm 2025.

Đại diện cơ sở được đánh giá

(Ký tên, đóng dấu)



Bo Bo Kha

Đại diện Đoàn đánh giá



Nguyễn Lê Kỳ Phán

Số/ No.: VLAB0-250710-001/5

Ngày phát hành/ Issued date : 15/07/2025
Trang/ Page : 1/7




Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **NHÓM HỘ SẢN XUẤT SÀU RIÊNG**
Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: Xã Khánh Sơn, Tỉnh Khánh Hoà
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 10/07/2025
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing: 10/07/2025 đến 15/07/2025
Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name: **QUẢ SÀU RIÊNG**
Tình trạng mẫu/ State of sample: Mẫu đựng trong túi nhựa/ Samples in plastic bag.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS
[Xem trang kế/ See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
- (a) Chỉ tiêu được công nhận (ISO/IEC 17025:2017)/ Item(s) are accredited (ISO/IEC 17025:2017)
- (b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection
- (c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production
- (d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development
- (e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade
- (s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification
 - KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.
 - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
 - Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test report is a unified whole, No part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.



PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM OFFICER IN CHARGE OF LABORATORY	TỔNG GIÁM ĐỐC GENERAL DIRECTOR
 Phạm Lê Tiên Khánh	  Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 Đường D1A, KDC Trí Kiệt, P. Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long B ward, Thu Duc City, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Ho Chi Minh: 60-62 Đường số 2, P. Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP.HCM
60-62 Street 2, Phu Huu ward, Thu Duc City, HCMC
Can Tho: Lô K5-12 Đường số 5, P.Long Tuyền, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
LK5-12 Street 5, Long Tuyen ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Bac Lieu: 479 Đường Cao Văn Lầu, P.5, TP Bạc Liêu, T. Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Ward 5, Bac Lieu City, Bac Lieu Province
Ca Mau: 214B Đường Nguyễn Đình Chiểu, P.8, TP Cà Mau, T.Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ward 8, Ca Mau City, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250710-001/5

Ngày phát hành/ Issued date : 15/07/2025
Trang/ Page : 2/7

Kết quả/ result



Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test result (s) are valid only on tested sample

Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method
Hàm lượng Chì (Pb) Lead content	KPH/ND	mg/kg	0,05	AOAC 2015.01 ^(a)
BTVV nhóm Carbamate Carbamate pesticides				
Aldicarb sulfoxide	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
Aldicarb sulfone	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
Aldicarb	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
Bendiocarb	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
Captan	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
Carbaryl	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
Carbendazime	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
Carbetamide	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
Carbofuran	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
Carbofuran-3-OH	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
Cis - 1,2,3,6 – Tetrahydrophthalimide	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
Diethofencarb	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 Đường D1A, KDC Trí Kiệt, P. Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiệt Residence Area, Phuoc Long B ward, Thu Duc City, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Ho Chi Minh: 60-62 Đường số 2, P. Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP.HCM
60-62 Street 2, Phu Huu ward, Thu Duc City, HCMC
Can Tho: Lô K5-12 Đường số 5, P.Long Tuyền, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
LK5-12 Street 5, Long Tuyen ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Bac Lieu: 479 Đường Cao Văn Lầu, P.5, TP Bạc Liêu, T. Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Ward 5, Bac Lieu City, Bac Lieu Province
Ca Mau: 214B Đường Nguyễn Đình Chiểu, P.8, TP Cà Mau, T.Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ward 8, Ca Mau City, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250710-001/5

Ngày phát hành/ Issued date : 15/07/2025
Trang/ Page : 3/7

				(Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
Ethiofencarb	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
Fenobucarb	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
Fenoxycarb	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
Formetanate	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
Methiocarb	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
Mecarbam	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
Methomyl	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
Mexacarbate	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
Pirimicarb	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
Propamocarb	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
Oxamyl	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)
BTVV nhóm Lân hữu cơ <i>Organophosphorous pesticides</i>				
Azinphos-Ethyl	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Azinphos-Methyl	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Acephate	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 Đường D1A, KDC Trí Kiệt, P. Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long B ward, Thu Duc City, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: 60-62 Đường số 2, P. Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP.HCM
60-62 Street 2, Phu Huu ward, Thu Duc City, HCMC
Cần Thơ: Lô K5-12 Đường số 5, P. Long Tuyền, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ
LK5-12 Street 5, Long Tuyen ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Bạc Liêu: 479 Đường Cao Văn Lầu, P.5, TP Bạc Liêu, T. Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Ward 5, Bac Lieu City, Bac Lieu Province
Cà Mau: 214B Đường Nguyễn Đình Chiểu, P.8, TP Cà Mau, T. Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ward 8, Ca Mau City, Ca Mau Province



Số/ No.: VLAB0-250710-001/5

Ngày phát hành/ Issued date : 15/07/2025
Trang/ Page : 4/7

Bromfenvinphos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Bromfenvinphos-Methyl	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Bromophos-Ethyl	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Bromophos-Methyl	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Bromopropylate	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Cadusafos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Carbophenothion	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Carfentrazone Ethyl	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Chlorpyrifos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Chlorpyrifos-Methyl	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Diazinon	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Dimethoate	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
EPN	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Ethion	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Fenclorphos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Fenitrothion	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Fonofos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Isazophos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 Đường D1A, KDC Trí Kiệt, P. Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long B ward, Thu Duc City, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Ho Chi Minh: 60-62 Đường số 2, P. Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP.HCM
60-62 Street 2, Phu Huu ward, Thu Duc City, HCMC
Can Tho: Lô K5-12 Đường số 5, P.Long Tuyền, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
LK5-12 Street 5, Long Tuyen ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Bac Lieu: 479 Đường Cao Văn Lầu, P.5, TP Bạc Liêu, T. Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Ward 5, Bac Lieu City, Bac Lieu Province
Ca Mau: 214B Đường Nguyễn Đình Chiểu, P.8, TP Cà Mau, T. Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ward 8, Ca Mau City, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250710-001/5

Ngày phát hành/ Issued date : 15/07/2025
Trang/ Page : 5/7



Leptophos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Malathion	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Methamidophos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Mevinphos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Monocrotophos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Parathion	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Parathion-Methyl	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Phorate	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Phosalone	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Phosmet	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Pirimiphos-Ethyl	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Pirimiphos-Methyl	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Profenofos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Prothiofos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Pyaclofos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Pyrazophos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Pyridaphenthion	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Omethoate	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 Đường D1A, KDC Trí Kiệt, P. Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long B ward, Thu Duc City, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: 60-62 Đường số 2, P. Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP.HCM
60-62 Street 2, Phu Huu ward, Thu Duc City, HCMC
Cần Thơ: Lô K5-12 Đường số 5, P. Long Tuyền, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ
LK5-12 Street 5, Long Tuyen ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Bạc Liêu: 479 Đường Cao Văn Lầu, P.5, TP Bạc Liêu, T. Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Ward 5, Bac Lieu City, Bac Lieu Province
Cà Mau: 214B Đường Nguyễn Đình Chiểu, P.8, TP Cà Mau, T. Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ward 8, Ca Mau City, Ca Mau Province

Số/No.: VLAB0-250710-001/5



Ngày phát hành/ Issued date : 15/07/2025
Trang/ Page : 6/7

Quinalphos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Sulfotep	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Tetrachlorvinphos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Triazophos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Atrazine	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Anilofos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Coumaphos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Cyanofenphos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Cyanophos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Dialifos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Disulfoton	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Disulfoton – sulfatan	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Fenamiphos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Fenson	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Fensulfotion	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Fenthion	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Heptenophos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Iodofenphos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 Đường D1A, KDC Trí Kiệt, P. Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long B ward, Thu Duc City, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: 60-62 Đường số 2, P. Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP.HCM
60-62 Street 2, Phu Huu ward, Thu Duc City, HCMC
Cần Thơ: Lô K5-12 Đường số 5, P.Long Tuyền, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
LK5-12 Street 5, Long Tuyen ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Bạc Liêu: 479 Đường Cao Văn Lầu, P.5, TP Bạc Liêu, T. Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Ward 5, Bac Lieu City, Bac Lieu Province
Cà Mau: 214B Đường Nguyễn Đình Chiểu, P.8, TP Cà Mau, T. Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ward 8, Ca Mau City, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250710-001/5

Ngày phát hành/ Issued date : 15/07/2025
Trang/ Page : 7/7



Isazofos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Methacrifos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Phenthoate	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Phorate	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Phosalone	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Sulprofos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)
Terbufos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)

Ghi chú/ Remark(s): Không/ Nil

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 Đường D1A, KDC Trí Kiệt, P. Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long B ward, Thu Duc City, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Ho Chi Minh: 60-62 Đường số 2, P. Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP.HCM
60-62 Street 2, Phu Huu ward, Thu Duc City, HCMC
Can Tho: Lô K5-12 Đường số 5, P.Long Tuyền, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
LK5-12 Street 5, Long Tuyen ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Bac Lieu: 479 Đường Cao Văn Lầu, P.5, TP Bạc Liêu, T. Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Ward 5, Bac Lieu City, Bac Lieu Province
Ca Mau: 214B Đường Nguyễn Đình Chiểu, P.8, TP Cà Mau, T.Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ward 8, Ca Mau City, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250710-001/6

Ngày phát hành/ Issued date : 15/07/2025
Trang/ Page : 1/2

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **NHÓM HỘ SẢN XUẤT SÀU RIÊNG**
Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: Xã Khánh Sơn, Tỉnh Khánh Hoà
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 10/07/2025
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing: 10/07/2025 đến 15/07/2025
Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name: **MẪU ĐẤT**
Tình trạng mẫu/ State of sample: Mẫu đựng trong túi nhựa/ Samples in plastic bag.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS
[Xem trang kế/ See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
- (a) Chỉ tiêu được công nhận (ISO/IEC 17025:2017)/ Item(s) are accredited (ISO/IEC 17025:2017)
- (b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection
- (c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production
- (d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development
- (e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade
- (s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantitation
 - KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.
 - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
 - Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test report is a unified whole, No part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM
OFFICER IN CHARGE OF LABORATORY



Phạm Lê Tiên Khánh

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 Đường D1A, KDC Trí Kiệt, P. Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiệt Residence Area, Phuoc Long B ward, Thu Duc City, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/ Testing Center:
Ho Chi Minh: 60-62 Đường số 2, P. Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP.HCM
60-62 Street 2, Phu Huu ward, Thu Duc City, HCMC
Can Tho: Lô K5-12 Đường số 5, P.Long Tuyền, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
LK5-12 Street 5, Long Tuyen ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Bac Lieu: 479 Đường Cao Văn Lầu, P.5, TP Bạc Liêu, T. Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Ward 5, Bac Lieu City, Bac Lieu Province
Ca Mau: 214B Đường Nguyễn Đình Chiểu, P.8, TP Cà Mau, T. Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ward 8, Ca Mau City, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250710-001/6

Ngày phát hành/ Issued date : 15/07/2025
Trang/ Page : 2/2

Kết quả result



Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test result (s) are valid only on tested sample

Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method
Hàm lượng Cadimi (Cd) Cadmium content	KPH/ND	mg/kg	1	TCVN 6649:2000/ TCVN 6496: 2009
Hàm lượng Chì (Pb) Lead content	KPH/ND	mg/kg	25	TCVN 6649:2000/ TCVN 6496: 2009

Ghi chú/ Remark(s): Không/ Nil

[Kết thúc báo cáo/ End of report]



VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 Đường D1A, KDC Trí Kiệt, P. Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long B ward, Thu Duc City, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Ho Chi Minh: 60-62 Đường số 2, P. Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP.HCM
60-62 Street 2, Phu Huu ward, Thu Duc City, HCMC
Can Tho: Lô K5-12 Đường số 5, P.Long Tuyền, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
LK5-12 Street 5, Long Tuyen ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Bac Lieu: 479 Đường Cao Văn Lầu, P.5, TP Bạc Liêu, T. Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Ward 5, Bac Lieu City, Bac Lieu Province
Ca Mau: 214B Đường Nguyễn Đình Chiểu, P.8, TP Cà Mau, T.Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ward 8, Ca Mau City, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250710-001/7

Ngày phát hành/ Issued date : 15/07/2025
Trang/ Page : 1/2

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **NHÓM HỘ SẢN XUẤT SÀU RIÊNG**
Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: Xã Khánh Sơn, Tỉnh Khánh Hoà
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 10/07/2025
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing: 10/07/2025 đến 15/07/2025
Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name: **MẪU NƯỚC**
Tình trạng mẫu/ State of sample: Mẫu đựng trong chai nhựa/ Samples in plastic bottles.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS
[Xem trang kế/ See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
- (a) Chỉ tiêu được công nhận (ISO/IEC 17025:2017)/ Item(s) are accredited (ISO/IEC 17025:2017)
- (b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection
- (c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production
- (d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development
- (e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade
- (s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantitation
 - KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.
 - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
 - Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test report is a unified whole, No part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM
OFFICER IN CHARGE OF LABORATORY



Phạm Lê Tiên Khánh

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 Đường D1A, KDC Trí Kiệt, P. Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long B ward, Thu Duc City, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/ Testing Center:
Hồ Chí Minh: 60-62 Đường số 2, P. Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP.HCM
60-62 Street 2, Phu Huu ward, Thu Duc City, HCMC
Cần Thơ: Lô K5-12 Đường số 5, P. Long Tuyền, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ
LK5-12 Street 5, Long Tuyen ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Bạc Liêu: 479 Đường Cao Văn Lầu, P.5, TP Bạc Liêu, T. Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Ward 5, Bac Lieu City, Bac Lieu Province
Cà Mau: 214B Đường Nguyễn Đình Chiểu, P.8, TP Cà Mau, T. Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ward 8, Ca Mau City, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250710-001/7

Ngày phát hành/ Issued date : 15/07/2025
Trang/ Page : 2/2

Kết quả result

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test result (s) are valid only on tested sample

Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method
Cadimi (Cd)	KPH/ND	mg/L	0,0003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)
Chì (Pb)	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)

Ghi chú/ Remark(s): Không/ Nil

[Kết thúc báo cáo/ End of report]



VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 Đường D1A, KDC Trí Kiệt, P. Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long B ward, Thu Duc City, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: 60-62 Đường số 2, P. Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP.HCM
60-62 Street 2, Phu Huu ward, Thu Duc City, HCMC
Cần Thơ: Lô K5-12 Đường số 5, P.Long Tuyền, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
LK5-12 Street 5, Long Tuyen ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Bạc Liêu: 479 Đường Cao Văn Lầu, P.5, TP Bạc Liêu, T. Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Ward 5, Bac Lieu City, Bac Lieu Province
Ca Mau: 214B Đường Nguyễn Đình Chiểu, P.8, TP Cà Mau, T.Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ward 8, Ca Mau City, Ca Mau Province

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy chứng nhận VietGAP

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VÙNG 3

Căn cứ Quyết định số 1083/QĐ-BNNMT ngày 24/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 3;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động chứng nhận số 1600/TĐC-HCHQ ngày 08/5/2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng - Bộ Khoa học Công nghệ;

Căn cứ vào kết quả đánh giá của Đoàn đánh giá và thẩm xét hồ sơ chứng nhận;

Theo đề nghị của Tổ Đảm bảo Chất lượng;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận Thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) đối với quá trình sản xuất, sơ chế sản phẩm: quả sầu riêng của cơ sở dưới đây phù hợp với Tiêu chuẩn TCVN 11892-1: 2017: Thực hành nông nghiệp tốt – Phần 1: Trồng trọt:

Tên cơ sở: Nhóm hộ sản xuất Sầu Riêng

Địa chỉ: Xã Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa

Địa điểm sản xuất: Xã Khánh Sơn và xã Đông Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa

(Danh sách hộ thành viên theo phụ lục đính kèm)

Địa điểm sơ chế: Xã Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa

Diện tích sản xuất: 3,0 ha

Sản lượng dự kiến: 60 tấn/năm

Điều 2. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày 11/8/2025 đến ngày 11/8/2028. Trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận, Nhóm hộ sản xuất Sầu Riêng được phép

sử dụng Giấy chứng nhận số **VietGAP.TT.009.1.25** và sử dụng Dấu phù hợp theo quy định của Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 3.

Điều 3. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, Nhóm hộ sản xuất Sầu Riêng có trách nhiệm tuân thủ, duy trì quy trình sản xuất phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn chứng nhận và các quy định có liên quan, chịu sự giám sát định kỳ 01 (một) năm/lần của Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 3.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Tổ đảm bảo Chất lượng, Trưởng phòng Chất lượng, An toàn thực phẩm và Trưởng nhóm hộ sản xuất Sầu Riêng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này..

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu VT, Hồ sơ CN.



GIÁM ĐỐC

Lê Hoàng Lâm



TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VÙNG 3

Địa chỉ: No. 1105, Le Hong Phong St, Nam Nha Trang ward, Khanh Hoa Province

Tel: (0258) 3884812 – 3882097

E-mail: nafiqpm3@mae.gov.vn Website: www.nafiqpm3.vn



Phụ lục

DANH SÁCH CÁC HỘ THÀNH VIÊN NHÓM HỘ SẢN XUẤT SÀU RIÊNG

(Kèm theo Quyết định số: 228/QĐ-CCPT3 ngày 11/8/2025)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích (ha)
1.	Bo Bo Khá	TDP Hạp Thịnh, xã Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa	1,0
2.	Cao Văn Ty	Thôn Tà Nĩa, xã Đông Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa	1,0
3.	Thái Thành Hòa	Thôn Chi Chay, xã Đông Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa	0,5
4.	Trương Văn Tra	Thôn Chi Chay, xã Đông Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa	0,5
Tổng			3,0

CỤC CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN
VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN
VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VÙNG 3

Địa chỉ: 1105 Lê Hồng Phong, Nam Nha Trang, Khánh Hòa
Điện thoại: (+84) 258 3884812 - 258 3882097
Website: www.nafiqpm3.vn

NATIONAL AUTHORITY FOR AGRO-FORESTRY-FISHERY QUALITY,
PROCESSING AND MARKET DEVELOPMENT

NAFIQPM - CENTER 3

Address: 1105 Le Hong Phong street, Nam Nha Trang ward,
Khanh Hoa province, Vietnam
Tel.: (+84) 258 3884812 - 258 3882097
Website: www.nafiqpm3.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN VietGAP

Số / No.: VietGAP.TT.009.1.25

Chứng nhận/This is certify that:

Thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) của:

Good Agricultural Practices (VietGAP) of

NHÓM HỘ SẢN XUẤT SẦU RIÊNG

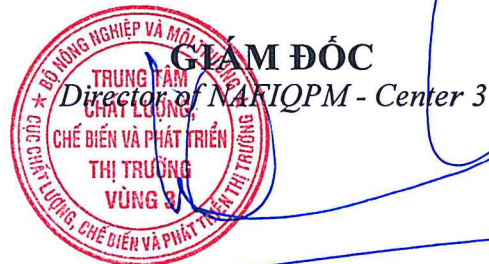
Địa chỉ/Address : Xã Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa
Người đại diện/Representative : Bo Bo Khá - Trưởng nhóm
Điện thoại/Tel : 0397 423 712
**Áp dụng trong sản xuất
sơ chế sản phẩm/
Applied in planting and handling** : Quả sầu riềng
Diện tích sản xuất/Productive Area : 3,0 ha
Sản lượng dự kiến/Expected Quantity : 60 tấn/năm
Địa điểm sản xuất/Production area : Xã Khánh Sơn và xã Đông Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa
Địa điểm sơ chế/Handling area : Xã Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa

Đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của tiêu chuẩn:

Has been assessed and found to conform with requirements of the following standards:

TCVN 11892-1:2017 - Thực hành nông nghiệp tốt tại Việt Nam (VietGAP) - Phần 1: Trồng trọt
Vietnamese Good Agricultural Practices (VietGAP). Part 1: Crop production

Giấy chứng nhận có hiệu lực từ/This certificate is valid from: 11/8/2025 đến/to 11/8/2028



Lê Hoàng Lâm

Kính gửi: Nhóm hộ sản xuất Sầu Riêng

Nhằm tuyên truyền, quảng bá và khẳng định Thực hành nông nghiệp tốt trong lĩnh vực sản xuất sầu riêng của Nhóm hộ sản xuất Sầu Riêng đã được chứng nhận phù hợp với Tiêu chuẩn TCVN 11892-1: 2017: Thực hành nông nghiệp tốt tại Việt Nam (VietGAP) – Phần 1: Trồng trọt, Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 3 xin gửi đến quý Doanh nghiệp biểu tượng dấu chứng nhận theo hình mẫu dưới đây:



1. Dấu chứng nhận có thể được sử dụng trong các trường hợp sau:

- a) Trong các tiếp đầu thư, công văn giao dịch, tài liệu kỹ thuật, tài liệu đào tạo, tài liệu quảng cáo, name-card, các chứng từ và các tài liệu tiếp thị;
- b) Trong các chương trình quảng cáo, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng như phát thanh, truyền hình, báo chí...;
- c) Trên các phương tiện giao thông, vận tải, các bảng quảng cáo công cộng,...

2. Dấu chứng nhận không được sử dụng trong các trường hợp sau:

- a) Gây hiểu nhầm là NAFIQPM - Center 3 đã chứng nhận hay công nhận tính pháp lý cho các hoạt động hay sản phẩm của Tổ chức hay bất cứ một cách hiểu nhầm nào khác;
- b) Gây hiểu lầm rằng NAFIQPM - Center 3 đã chứng nhận chất lượng cho sản phẩm cụ thể; không được in Dấu chứng nhận lên sản phẩm và bao bì sản phẩm.
- c) Hết hiệu lực chứng nhận hoặc không tuân thủ các yêu cầu về chứng nhận;

3. Chú ý khi sử dụng:

- a) Dấu chứng nhận có thể được in đúng theo màu như miêu tả cụ thể, hay có thể dùng một màu để phù hợp với những giấy tờ, tài liệu, báo, tạp chí đã in sẵn.
- b) Dấu chứng nhận có thể phóng to hoặc thu nhỏ một cách đồng nhất, tuy nhiên phải đủ lớn để phần chữ có thể đọc được rõ ràng.
- c) Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận không được chuyển nhượng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Hồ sơ CN.



GIÁM ĐỐC

Lê Hoàng Lâm